TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LỘ** TỈNH QUẢNG TRỊ **Bản án số: 27/2024/HS-ST** Ngày 19/7/2024	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Phạm Vũ Ngọc Châu.
Các hội thẩm nhân dân: ông Lê Ngọc Long;
bà Hồ Thị Hải Thanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Quốc Tùng – Thư ký TAND huyện Cam Lộ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên toà: ông Trần Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, Toà án nhân dân huyện Cam Lộ mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 27/6/2024, đối với các bị cáo:

1. **Võ Văn H** (tên gọi khác: Cu B), sinh ngày 27/8/1995, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H1 và bà Trần Thị N; có vợ là Văn Huyền T (đã ly hôn năm 2022) và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*; có mặt.

2. **Văn Huyền T**, sinh ngày 08/8/1998, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Đức H2 và bà Văn Thị H3; có chồng là Võ Văn H (đã ly hôn năm 2022) và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*; có mặt.

- Người bị hại:

01. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989; địa chỉ: số B đường B, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

02. Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

03. Anh Trần Tiến T3, sinh năm 2002; địa chỉ: khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

04. Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; vắng mặt.

05. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

06. Anh Giàng A P, sinh năm 2004; địa chỉ: Bản D, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

07. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1992; địa chỉ: số B B, xã B, huyện C, tỉnh Long An; vắng mặt.

08. Anh Tô Văn Q, sinh năm 1992; địa chỉ: T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (CMND 351461792); vắng mặt.

09. Anh Nguyễn Văn Hữu K, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp C, M, T, tỉnh Đồng Tháp (CCCD 087200001556); vắng mặt.

10. Chị Dương Thị Kiều O, sinh năm 1993; CMND 264138946 (nơi ĐKNKTT theo CMND: TT Lạc Tánh, T, Bình Thuận); hộ khẩu thường trú hiện tại: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp D, B, M, Long An (CCCD 080201006650); vắng mặt.

12. Anh Vũ Văn C1, sinh năm 1996; địa chỉ: xóm T, xã D, huyện D, Nghệ An (CMND 187370269); vắng mặt.

13. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1997; địa chỉ: khu T, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (CCCD 037197003434); vắng mặt.

14. Chị Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (CMND 352698164); vắng mặt.

15. Chị Quách Hồng D, sinh năm 1986; địa chỉ: 5 P, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (CCCD 094186009881); vắng mặt.

16. Anh Hà Ngọc S, sinh năm 1996; địa chỉ: khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

17. Chị Đỗ Thị Ngọc Y1, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (CCCD 036194006504); vắng mặt.

18. Chị Trần Thị Hồng H5, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ D, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (CMND 371789624); vắng mặt.

19. Anh Nguyễn Hồng D1, sinh năm 1993; địa chỉ: D khu phố H, T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (CCCD 079093010365); vắng mặt.

20. Anh Lục Minh T5, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (CCCD 038201019734); vắng mặt.

21. Chị Huỳnh Thị Kim T6, sinh năm 1995; địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (CCCD 077195002814); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị T7, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn H6, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Cuối năm 2019, Võ Văn H tìm hiểu biết cách sử dụng ví điện tử MoMo liên kết với tài khoản ngân hàng, lấy thông tin chiếm đoạt tiền trong tài khoản. Lúc này, H và Văn Huyền T ở chung nên T nhờ H hướng dẫn cách thức thực hiện. H, T sử dụng số điện thoại có số thuê bao 0879976856 tạo các tài khoản Facebook có tên "Vay Tiền N1 (Hỗ Trợ Vay Vốn)" ID 100045544113593, "Vay Nhanh Trong Ngày" ID: 100043257963285 (vaynhanh.trong ngay.79); T tạo tài khoản Fakebook "Vay Tiền N1" ID 100044748851738 (không rõ số điện thoại đăng ký). H, T dùng điện thoại đăng nhập, sử dụng chung 03 tài khoản Fakebook trên đăng tải nhiều bài viết như: Cho vay tiền dễ dàng, lãi suất thấp, thủ tục đơn giản, duyệt hồ sơ qua điện thoại...nhằm thu hút nhiều người vào vay tiền. Khi có người hỏi vay tiền, H, T hỏi đã có tài khoản ngân hàng chưa, nếu chưa có thì không trả lời nữa, còn những người đã có tài khoản ngân hàng thì tiếp tục hỏi về số tiền hiện có trong tài khoản. H, T lấy lý do điều kiện để được vay tiền thì tài khoản phải có từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, rồi yêu cầu những người có tài khoản không đủ điều kiện nộp tiền vào. Khi tài khoản ngân hàng của người vay có đủ tiền theo yêu cầu, H, T yêu cầu chụp ảnh CMND hoặc CCCD, cung cấp thông tin như: số điện thoại, số tài khoản, số thẻ ngân hàng, số điện thoại đăng ký, ví MoMo đã liên kết với tài khoản ngân hàng (nếu có). Sau khi có được những thông tin này, H, T sử dụng ví MoMo của những người này hoặc tạo tài khoản ví điện tử MoMo bằng số điện thoại và các thông tin mà người vay cung cấp, thực hiện liên kết ví MoMo với tài khoản ngân hàng của họ, lúc liên kết sẽ có mã xác thực gửi về số điện thoại đăng ký của người vay. H, T yêu cầu người vay cung cấp mã xác thực để hoàn thành việc tạo ví điện tử MoMo và liên kết với tài khoản ngân hàng của họ. Sau khi đã liên kết, H, T thực hiện chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của người vay vào ví điện tử MoMo vừa được tạo. Quá trình này sẽ có mã xác thực gửi về số điện thoại đăng ký của người vay, H, T tiếp tục yêu cầu người vay cung cấp mã xác thực hoàn tất việc nạp tiền vào ví điện tử MoMo. Khi ví điện tử MoMo đã có tiền, H, T chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản ví điện tử Viettelpay số 9704229207353696150 (Ngân hàng M) mang tên Nguyễn Thị Như P1, đăng ký bằng số điện thoại 0879.117.908 hoặc qua tài khoản V3 số 0811001309005 của H hoặc đến một số tài khoản Game bài để chơi. Tiền sau khi được chuyển vào ví điện tử V số 970422920735369 6150, H, T tiếp tục chuyển đến các tài khoản ngân hàng MB của H, số 1967474746868 mang tên VO VAN HUU; tài khoản ngân hàng MB của T, số 0849883111 mang tên VAN HUYEN TRANG, tài khoản ngân hàng V3 của T, số 1014243293 mang tên VAN HUYEN TRANG, hoặc đến các tài khoản Game bài để chơi. Số tiền sau khi chuyển đến tài khoản của H, T được H, T chuyển đến tài khoản ngân hàng MB số 9550123456777 của chị Nguyễn Thị T7, sinh năm 1993, trú tại thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị để lấy tiền mặt tiêu xài cá nhân, mua sắm, đánh bài trên mạng.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 8/2022, Võ Văn H và Văn Huyền T đã chiếm đoạt tiền của 21 người, với tổng số tiền 73.035.000 đồng, cụ thể:

- 07 người bị hại do Võ Văn H và Văn Huyền T trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền, với tổng số tiền 23.940.000 đồng, gồm:

1. Tô Văn Q, sinh năm: 1982, số CMND: 351461729, trú tại: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, ngày 20/12/2021 bị chiếm đoạt 1.000.000 đồng.

02. Trần Thị Hồng H5, sinh năm: 1998, số CMND: 371789624, trú tại: Thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, ngày 17/9/2021 bị chiếm đoạt 1.000.000 đồng.

03. Nguyễn Hồng D1, sinh năm: 1993, số CCCD: 079093010365, trú tại: D Khu phố F, Phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20/7/2021 bị chiếm đoạt 1.470.000 đồng.

04. Lục Minh T5, sinh năm: 2001, số CCCD: 038201019734, trú tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, ngày 20/7/2021 bị chiếm đoạt 1.470.000 đồng;

05. Huỳnh Thị Kim T6, sinh năm: 1995, số CCCD: 077195002814, trú tại: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16, 17/6/2021 bị chiếm đoạt 4.000.000 đồng.

06. Giàng A P2, sinh năm: 2004, số CCCD: 015204002327, trú tại: Thôn D, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái: Ngày 28/12/2021 bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng.

07. Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1992, CCCD: 087192008361, trú tại: 2 B, xã B, huyện C, tỉnh Long An: Ngày 20/6/2021 bị chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

- 14 người bị hại do Văn Huyền T trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền, với sự giúp sức của Võ Văn H, với tổng số tiền 49.095.000 đồng, gồm:

1. Nguyễn Văn Hữu K, sinh năm: 2000, số CCCD: 087200001556, trú tại: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, ngày 22/6/2022 bị chiếm đoạt 400.000 đồng;

2. Dương Thị Kiều O, sinh năm 1993; CMND 261238946 (nơi ĐKNKTT theo CMND: TT Lạc Tánh, T, Bình Thuận); hộ khẩu thường trú hiện tại: thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, ngày 19/6/2022 bị chiếm đoạt 1.200.000 đồng;

3. Nguyễn Văn L, sinh năm: 2001, số CCCD: 080201006650, trú tại: Ấp D, xã B, huyện M, tỉnh Long An, ngày 26/5/2022 bị chiếm đoạt 4.950.000 đồng;

4. Vũ Văn C1, sinh năm: 1996, số CMND: 187370263, trú tại: thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, ngày 24/5/2022 bị chiếm đoạt 4.850.000 đồng;

5. Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1997, số CCCD: 037197003434, trú tại: Khu T, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, ngày 23/5/2022 bị chiếm đoạt 3.876.000 đồng;

6. Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm: 2003, số CMND: 352698164, trú tại: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, ngày 17/5/2022 bị chiếm đoạt 5.067.000 đồng;

7. Quách Hồng D, sinh năm: 1986, số CCCD: 094186009881, trú tại: 5 P, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, ngày 14/5/2022 bị chiếm đoạt 2.990.000 đồng;

8. Hà Ngọc S, sinh năm: 1996, trú tại: Thôn T, thị trấn xã Ó, huyện T, tỉnh An Giang, ngày 13/5/2022 bị chiếm đoạt 3.132.000 đồng;

09. Đỗ Thị Ngọc Y1, sinh năm: 1994, số CCCD: 036194006504, trú tại: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, ngày 04/5/2022 bị chiếm đoạt 500.000 đồng;

10. Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1989, số CCCD: 066189018026, trú tại: Số B đường B, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh: Ngày 19, 20, 23/5/2022 bị chiếm đoạt 6.060.000 đồng chuyển vào tài khoản ví điện tử Viettetpay số I (Ngân hàng M), tên Nguyễn Thị Như P1;

11. Huỳnh Văn T2, sinh năm: 2000, số CMND: 206222895, trú tại: xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam: Ngày 25/5/2022 bị chiếm đoạt 5.500.000 đồng chuyển vào tài khoản ví điện tử Viettetpay số I (Ngân hàng M), tên Nguyễn Thị Như P1;

12. Trần Tiến T3, sinh năm: 2002, số CCCD: 089202007290, trú tại: Khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang: Ngày 21/6/2022 bị chiếm đoạt 4.100.000 đồng.

13. Nguyễn Văn Y, sinh năm: 1999, số CCCD: 082099009875, trú tại: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang: Ngày 03/5/2022 bị chiếm đoạt 4.470.000 đồng, chuyển vào tài khoản ví điện tử Viettelpay số 9704229207353696150 (Ngân hàng M), tên Nguyễn Thị Như P1;

14. Nguyễn Thị C, sinh năm: 1994, số CCCD: 00119406444, trú tại: Thôn C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên: Ngày 13/5/2022 bị chiếm đoạt 2.000.000 đồng, được chuyển vào tài khoản ví điện tử Viettelpay số 9704229207353696150 (Ngân hàng M), tên Nguyễn Thị Như P1.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSCL ngày 26/4/2024 của VKSND huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Võ Văn H và Văn Huyền T về tội: *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"* theo điểm b, đ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

** Về trách nhiệm hình sự:*

- Tuyên bố các bị cáo Võ Văn H và Văn Huyền T phạm tội: *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 290; các điểm b, s, u khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Võ Văn H từ 30 đến 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 290; các điểm b, n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Văn Huyền T từ 27 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* *Về trách nhiệm dân sự:* áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Văn Huyền T và Võ Văn H phải bồi thường cho các người bị hại chị Nguyễn Thị T1 số tiền 6.060.000 đồng, anh Huỳnh Văn T2 số tiền 5.500.000 đồng, anh Trần Tiến T3 số tiền 4.100.000 đồng, anh Nguyễn Văn Y số tiền 4.470.000 đồng, chị Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000 đồng, anh Giàng A P2 số tiền 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T4 số tiền 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L1 số

tiền 3.876.000 đồng và anh Vũ Văn C1 số tiền 4.850.000 đồng; tổng cộng là 45.856.000 đồng (đối với số tiền của anh Vũ Văn C1 bị cáo T và H đã bồi thường được 2.000.000 đồng, số tiền còn lại là 2.850.000 đồng). Số tiền còn phải bồi thường là 43,856.000 đồng; trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 21.928.000 đồng.

Bị cáo Văn Huyền T đã nộp tiền bồi thường được 9.000.000 đồng, phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 12.928.000 đồng. Bị cáo Võ Văn H đã nộp tiền bồi thường được 3.000.000 đồng, phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 18.928.000 đồng.

Đối với những người bị hại không thu thập được lời khai, không có ý kiến, gồm: anh Tô Văn Q, anh Nguyễn Văn Hữu K, chị Dương Thị Kiều O, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Thanh H4, chị Quách Hồng D, anh Hà Ngọc S, chị Đỗ Thị Ngọc Y1, chị Trần Thị Hồng H5, anh Nguyễn Hồng D1, anh Lục Minh T5 và chị Huỳnh Thị Kim T6 nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết; các bị hại có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định.

***** *Về xử lý vật chứng:* áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước, gồm:

- 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11, màu trắng, số Imei 1: 358989490522903, Imei 2: 358989490849397. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) máy điện thoại di động trên máy có ký hiệu chữ "Vertu", màu vàng đồng, số Imei 1: 358180710163401, Imei 2: 358180710183904. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Promax, màu xanh lá, số Imei 1: 356389950278108, Imei 2: 356389950405347. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.

- Buộc bị cáo H và T nộp lại số tiền đã chiếm đoạt của 12 người bị hại chưa thu thập được lời khai để sung công, gồm: anh Tô Văn Q số tiền 1.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H7 Kỳ số tiền 400.000 đồng, chị Dương Thị Kiều O số tiền 1.200.000 đồng, anh Nguyễn Văn L số tiền 4.950.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh H4 số tiền 5.067.000 đồng, chị Quách Hồng D số tiền 2.990.000 đồng, anh Hà Ngọc S số tiền 3.132.000 đồng, chị Đỗ Thị Ngọc Y1 số tiền 500.000 đồng, chị Trần Thị Hồng Hồng H5 số tiền 1.000.000 đồng, anh Nguyễn Hồng D1 số tiền 1.470.000 đồng, anh Lục Minh T5 số tiền 1.470.000 đồng và chị Huỳnh Thị Kim T6 số tiền 4.000.000 đồng; tổng cộng là 27.179.000 đồng; trong đó, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 13.589.500 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy, gồm:

- Sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone, trên thẻ sim có số sim 89840200010642922082 được gắn trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11, màu trắng.

- Một thẻ sim điện thoại của nhà mạng Itelecom, có số sim 89840810008705004899 được gắn trong điện thoại di động trên máy có ký hiệu chữ "Vertu", màu vàng đồng.

- 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh dương, tình trạng máy đã bị hư hỏng, không sử dụng được. Bên trong máy được gắn một thẻ sim điện thoại của nhà mạng Itelecom, có số sim 89840810008710179645.

- Một thẻ sim điện thoại của nhà mạng V4, có số sim 8984048000905316544 được gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Promax, màu xanh lá.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng V3 có số thẻ 9704368620484901029 mang tên VAN HUYEN TRANG.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B1 có số thẻ 9704180000058894197 mang tên VAN HUYEN TRANG.

** Về án phí:* các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc gia đình và sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Quảng Trị, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tố tụng:* bị hại chị Nguyễn Thị L1, anh Vũ Văn C1 và anh Nguyễn Văn Hữu K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. 18 người bị hại còn lại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] *Nội dung vụ án và xác định tội danh:* lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, xác định: trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 8/2022, tại xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, Võ Văn H và Văn Huyền T đã nhiều lần thực hiện hành vi sử dụng mạng xã hội Fakebook đưa ra thông tin gian dối để lấy thông tin cá nhân, tài khoản thẻ ngân hàng rồi liên kết với ví điện tử MoMo để chiếm đoạt tiền trong tài khoản của 21 người bị hại, với tổng số tiền 73.035.000 đồng. Trong đó, Võ Văn H đã hướng dẫn cách thực hiện cho Văn Huyền T và đã cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của 07 người với tổng số tiền 23.940.000 đồng, cụ thể: anh Tô Văn

Q số tiền 1.000.000 đồng, chị Trần Thị Hồng H5 số tiền 1.000.000 đồng, anh Nguyễn Hồng D1 số tiền 1.470.000 đồng, anh Lục Minh T5 số tiền 1.470.000 đồng, chị Huỳnh Thị Kim T6 số tiền 4.000.000 đồng, anh Giàng A P2 số tiền 10.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị T4 số tiền 5.000.000 đồng. Văn Huyền T đã trực tiếp thực hiện với sự giúp sức của Võ Văn H đã chiếm đoạt tiền của 14 người với tổng số tiền 49.095.000 đồng, cụ thể: của anh Nguyễn Văn H7 Kỳ số tiền 400.000 đồng, chị Dương Thị Kiều O số tiền 1.200.000 đồng, anh Nguyễn Văn L số tiền 4.950.000 đồng, anh Vũ Văn C1 số tiền 4.850.000 đồng, chị Nguyễn Thị L1 số tiền 3.876.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh H4 số tiền 5.067.000 đồng, chị Quách Hồng D số tiền 2.990.000 đồng, anh Hà Ngọc S số tiền 3.132.000 đồng, chị Đỗ Thị Ngọc Y1 số tiền 500.000 đồng, chị Nguyễn Thị T1 số tiền 6.060.000 đồng, anh Huỳnh Văn T2 số tiền 5.500.000 đồng, anh Trần Tiến T3 số tiền 4.100.000 đồng, anh Nguyễn Văn Y số tiền 4.470.000 đồng và chị Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ đã truy tố bị cáo Võ Văn H và Văn Huyền T về tội *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"* với tình tiết định khung là "*phạm tội 02 lần trở lên"* và *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* theo điểm b, đ khoản 2 Điều 290 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc sử dụng mạng xã hội để chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi nêu trên của Võ Văn H và Văn Huyền T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý an ninh mạng, gây ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức tín dụng và trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vụ án này có hai bị cáo tham gia nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạn, phân công nhiệm vụ cụ thể nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn.

Trong vụ án này, bị cáo Võ Văn H là người khởi xướng, hướng dẫn cho Văn Huyền T cách thức thực hiện và trực tiếp cùng với sự giúp sức của T 07 lần thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt số tiền 23.940.000 đồng.

Văn Huyền T là người thực hành tích cực; T đã 14 lần trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và H là người giúp sức chiếm đoạt số tiền 49.095.000 đồng. Toàn bộ số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt được đều đưa vào sử dụng tiêu xài cá nhân và đánh bài trên mạng chung vì lúc đó hai bị cáo đang là quan hệ vợ chồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với tổng số tiền chiếm đoạt trên.

[5] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[5.1] *Tình tiết tăng nặng:* không. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nhưng các bị cáo có công việc, đang sống chung với bố mẹ chồng và không lấy

đó làm nguồn sống chính nên không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

[5.2] *Tình tiết giảm nhẹ:*

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại; bị hại anh Vũ Văn C1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo là lao động chính, có điều kiện gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị cáo Võ Văn H đã tích cực hợp tác, hỗ trợ cán bộ Tòa án khống chế đối tượng thực hiện hành vi phạm tội ngay tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ và giúp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phát hiện tội phạm trong một vụ án khác, Công an huyện C có văn bản đề nghị Toà án xem xét, ghi nhận cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ *"Lập công chuộc tội"* quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Văn Huyền T hiện đang mang thai nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] *Từ những phân tích trên thấy rằng:* các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo H đang nuôi con nhỏ, bị cáo T đang mang thai tuần thứ 23 nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để các bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình và dưỡng thai sinh con cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Các bị cáo phải thấy đây là sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật để cải tạo tốt ở địa phương.

Các bị cáo có điều kiện khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ các bảng sao kê tài khoản ngân hàng của Võ Văn H và Văn Huyền T thấy có nhiều mã giao dịch nhưng chỉ điều tra làm rõ được 21 người bị hại với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 73.035.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

- Đối với hành vi của Võ Văn H và Văn Huyền T đánh bạc qua mạng nhưng không có chứng cứ, tài liệu để xử lý đối với hành vi này. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, thu thập chứng cứ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

- Anh Nguyễn Văn H6 có hành vi cho Võ Văn H mượn tài khoản ví điện tử Viettelpay số 9704229207353696150 (Ngân hàng M) mang tên Nguyễn Thị Như P1, đăng ký bằng số điện thoại 0879.117.908 để sử dụng, quản lý. Anh H6 cho bị cáo Hữu mượn và hiện không còn quyền quản lý đối với tài khoản V1 (vì H thông báo mất) nên không biết Võ Văn H và Văn Huyền T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

- Đối với chị Nguyễn Thị T7 có hành vi đổi tiền cho Võ Văn H và Văn Huyền T nhưng chị T7 không biết tiền đó do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Quá trình điều tra và trong thời gian chuẩn bị xét xử, các bị hại chị Nguyễn Thị T1, anh Huỳnh Văn T2, anh Trần Tiến T3, anh Nguyễn Văn Y, chị Nguyễn Thị C, anh Giàng A P2, chị Nguyễn Thị T4, chị Nguyễn Thị L1 và anh Vũ Văn C1 yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt. Vì vậy, buộc bị cáo Văn Huyền T và Võ Văn H phải bồi thường cho các người bị hại chị Nguyễn Thị T1 số tiền 6.060.000 đồng; anh Huỳnh Văn T2 số tiền 5.500.000 đồng; anh Trần Tiến T3 số tiền 4.100.000 đồng; anh Nguyễn Văn Y số tiền 4.470.000 đồng; chị Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000 đồng; anh Giàng A P2 số tiền 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T4 số tiền 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L1 số tiền 3.876.000 đồng và anh Vũ Văn C1 số tiền 4.850.000 đồng; tổng cộng là 45.856.000 đồng (đối với số tiền của anh Vũ Văn C1 bị cáo T và H đã bồi thường được 2.000.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 2.850.000 đồng). Tổng số tiền còn phải bồi thường là 43,856.000 đồng; trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 21.928.000 đồng.

Bị cáo Văn Huyền T đã nộp tiền bồi thường được 9.000.000 đồng, phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 12.928.000 đồng. Bị cáo Võ Văn H đã nộp tiền bồi thường được 3.000.000 đồng, phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 18.928.000 đồng.

Đối với những người bị hại không thu thập được lời khai và không có ý kiến đối với số tiền bị chiếm đoạt, gồm: anh Tô Văn Q, anh Nguyễn Văn Hữu K, chị Dương Thị Kiều O, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Thanh H4, chị Quách Hồng D, anh Hà Ngọc S, chị Đỗ Thị Ngọc Y1, chị Trần Thị Hồng H5, anh Nguyễn Hồng D1, anh Lục Minh T5 và chị Huỳnh Thị Kim T6 nên HĐXX không có cơ sở xem xét giải quyết; các bị hại có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định.

[8] *Về xử lý vật chứng:* quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ một số vật chứng như mô tả và đề nghị xử lý của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử thống nhất hướng xử lý vật chứng theo đề nghị của Viện kiểm sát, cụ thể:

- Đối với các điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11, màu trắng; điện thoại di động trên máy có ký hiệu chữ "Vertu", màu vàng đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Promax, màu xanh lá mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công.

- Đối với số tiền mà bị cáo H và T đã chiếm đoạt của 12 người bị hại chưa thu thập được lời khai và không có ý kiến, gồm: anh Tô Văn Q số tiền 1.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H7 Kỳ số tiền 400.000 đồng, chị Dương Thị Kiều O số tiền 1.200.000 đồng, anh Nguyễn Văn L số tiền 4.950.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh H4 số tiền 5.067.000 đồng, chị Quách Hồng D số tiền 2.990.000 đồng, anh Hà Ngọc S số tiền 3.132.000 đồng, chị Đỗ Thị Ngọc Y1 số tiền 500.000 đồng, chị Trần Thị Hồng Hồng H5 số tiền 1.000.000 đồng, anh Nguyễn Hồng D1 số tiền 1.470.000 đồng, anh Lục Minh T5 số tiền 1.470.000 đồng và chị Huỳnh Thị Kim

T6 số tiền 4.000.000 đồng; tổng cộng là 27.179.000 đồng. Đây là khoản tiền do phạm tội mà có nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước; trong đó, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 13.589.500 đồng.

- Đối với Sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone, được gắn trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11, màu trắng; sim điện thoại của nhà mạng Itelecom, được gắn trong điện thoại di động trên máy có ký hiệu chữ "Vertu", màu vàng đồng và sim điện thoại của nhà mạng V2, đươc gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Promax, màu xanh lá; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh dương, tình trạng máy đã bị hư hỏng, không sử dụng được, bên trong máy được gắn một thẻ sim điện thoại của nhà mạng Itelecom; một thẻ ATM của ngân hàng V3 có số thẻ 9704368620484901029 mang tên VAN HUYEN TRANG và 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B1 có số thẻ 9704180000058894197 mang tên VAN HUYEN TRANG không còn gia trị sử dụng nên tich thu tiêu hủy.

[9] *Về án phí:* các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. ***Về tội danh:*** tuyên bố các bị cáo **Võ Văn H** (tên gọi khác: Cu B) và **Văn Huyền T** phạm tội *"Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".*

2. ***Về hình phạt:***

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 290; các điểm b, s, u khoản 1 khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Võ Văn H **30** *(Ba mươi)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** *(Sáu mươi)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/7/2024).

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 290; các điểm b, n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Văn Huyền T **27** *(Hai mươi bảy)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **54** *(Năm mươi bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/7/2024).

Giao bị cáo Võ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị và bị cáo Văn Huyền T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. ***Về trách nhiệm dân sự:*** Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 288, 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự, xử:

Buộc bị cáo Văn Huyền T và Võ Văn H phải liên đới bồi thường cho các bị hại chị Nguyễn Thị T1 số tiền 6.060.000 đồng, anh Huỳnh Văn T2 số tiền 5.500.000 đồng, anh Trần Tiến T3 số tiền 4.100.000 đồng, anh Nguyễn Văn Y số tiền 4.470.000 đồng, chị Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000 đồng, anh Giàng A P2 số tiền 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T4 số tiền 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị L1 số tiền 3.876.000 đồng và anh Vũ Văn C1 số tiền 4.850.000 đồng; tổng cộng là 45.856.000 đồng (đối với số tiền của anh Vũ Văn C1 bị cáo T và H đã bồi thường được 2.000.000 đồng, số tiền còn lại là 2.850.000 đồng). Số tiền còn phải bồi thường là 43,856.000 đồng; trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 21.928.000 đồng.

Bị cáo Văn Huyền T đã nộp tiền bồi thường được 9.000.000 đồng, phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 12.928.000 đồng. Bị cáo Võ Văn H đã nộp tiền bồi thường được 3.000.000 đồng, phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 18.928.000 đồng.

(Số tiền các bị cáo đã nộp được chuyển vào tài khoản của Chi cục THADS huyện C, tỉnh Quảng Trị, mở tại Kho bạc Nhà nước C2, tỉnh Quảng Trị (theo ủy nhiệm chỉ số UNC0090, ngày 07/05/2024), theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2024, giữa cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi sất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. ***Về xử lý vật chứng:*** Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

4.1. *Tịch thu sung công quỹ nhà nước, gồm:*

- 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11, màu trắng, số Imei 1: 358989490522903, Imei 2: 358989490849397. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) máy điện thoại di động trên máy có ký hiệu chữ "Vertu", màu vàng đồng, số Imei 1: 358180710163401, Imei 2: 358180710183904. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Promax, màu xanh lá, số Imei 1: 356389950278108, Imei 2: 356389950405347. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.

- Buộc bị cáo Võ Văn H và Văn Huyền T nộp lại số tiền đã chiếm đoạt của 12 người bị hại tổng cộng là 27.179.000 đồng; trong đó, mỗi bị cáo phải nộp là 13.589.500 đồng.

4.1. *Tịch thu tiêu hủy, gồm:*

- Một thẻ sim điện thoại của nhà mạng Vinaphone, trên thẻ sim có số sim 89840200010642922082 được gắn trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11, màu trắng.

- Một thẻ sim điện thoại của nhà mạng Itelecom, có số sim 89840810008705004899 được gắn trong điện thoại di động trên máy có ký hiệu chữ "Vertu", màu vàng đồng.

- 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh dương, tình trạng máy đã bị hư hỏng, không sử dụng được. Bên trong máy được gắn một thẻ sim điện thoại của nhà mạng Itelecom, có số sim 89840810008710179645.

- Một thẻ sim điện thoại của nhà mạng V4, có số sim 89840480009053165 44 đươc gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Promax, màu xanh lá.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng V3 có sổ thẻ 9704368620484901029 mang tên VAN HUYEN TRANG.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B1 có số thẻ 9704180000058894197 mang tên VAN HUYEN TRANG.

Hiện vật chứng trên có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2024, giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

5. ***Về án phí:*** căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- *Về án phí hình sự:* bị cáo Võ Văn H và Văn Huyền T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về án phí dân sự:* bị cáo Văn Huyền T phải chịu 646.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Võ Văn H phải chịu 946.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. ***Quyền kháng cáo đối với bản án:***

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Công an huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Vũ Ngọc Châu